TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN,** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017/HS-ST
Ngày 22 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Bống
Ông Đinh Công Ó

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2017/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1976 tại Phù Yên – Sơn La; nơi cư trú: Bản V, xã TPh, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn):12/12; dân tộc: Mường; con ông: Đinh Văn Giàng; con bà: Đinh Thị Lim; có vợ là Lò Thị Thoa, bị cáo có 02 con, con lớn 8 tuổi, con nhỏ 1 tuổi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2002 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội phạt 7 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến nay; "có mặt".

2. Vũ Văn T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1986 tại Kim Bảng – Hà Nam; nơi cư trú: Bản X 2, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn):12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Vũ Văn Tân; con bà: Lê Thị Luyến (đã chết); có vợ là Hoàng Thị Huệ; bị cáo có 02 con, con lớn 8 tuổi, con nhỏ 6 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến nay; "có mặt".

3. Lò Văn N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1980 tại Phù Yên – Sơn La; nơi cư trú: Bản X 1, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn):0/12; dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn Liền; con bà: Sa Thị Ọt; có vợ là Đinh Thị Viễn; bị cáo có 02 con, con lớn 13 tuổi, con nhỏ 6 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến nay; "có mặt".

4. Phạm Văn H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1984 tại Chí Linh – Hải Dương; nơi cư trú: bản NNgh 2, xã NNgh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn):12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Phạm Công Ban; con bà: Vũ Thị Thu; có vợ là Trần Thị Hồng Minh (đã ly hôn); bị cáo có 01 con 10 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến nay; "có mặt".

5. Nguyễn Anh T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1992 tại Sông Mã – Sơn La; nơi cư trú: Bản CK, xã NNgh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn):12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Công Uẩn; con bà: Đào Thị Xuân; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12 tháng 6 năm 2017 đến nay; "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ ông Lò Văn Óa, nơi cư trú: Bản X 1, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "có mặt".

+ chị Đinh Thị Viễn, nơi cư trú: Bản X 1, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/5/2017, Vũ Văn T cùng với Lò Văn N điều khiển xe mô tô BKS 30 F8 – 7172 đi vào huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy về bán kiếm lời. Khi đến huyện Sông Mã, T hẹn gặp Phạm Văn H và Nguyễn Anh T. Do không có tiền mua ma túy, T hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 26F1 – 007.85 của T để đi cầm đồ lấy tiền mua ma túy. T hẹn với T sau khi bán được ma túy sẽ chuyển tiền cho T để chuộc lại xe mô tô. H và N mang chiếc xe mô tô của T và đôi bông tai của T đi cầm đồ được 14.870.000đ. H và N đi gặp và hỏi mua của Dương Xuân Thực một gói ma túy với giá 12.000.000đ, H đưa cho N giữ rồi cả hai điều khiển xe mô tô đi gặp T giao gói ma túy cho T mang về huyện Phù Yên bán kiếm lời. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 26/5/2017, Đinh Văn Đ gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy, T đã bán cho Đ một gói ma túy với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy, trên đường đi tìm nơi sử dụng, Đ bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Quá trình điều tra Đ và T còn khai nhận khoảng 9 giờ ngày 25/5/2017 T đã bán cho Đ một gói ma túy với giá 200.000đ, Đ đã sử dụng hết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn T, Lò Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Anh T và Đinh Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Đinh Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 194; bị cáo Phạm Văn H, Lò Văn N, Nguyễn Anh T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 194; Vũ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS.

Tại biên bản mở niêm phong, cân tịnh và lấy mẫu gửi giám định xác định (Bút lục số 111, 112): Gói chất bột mầu trắng thứ nhất thu giữ của Đinh Văn Đ có trọng lượng 0,137 gam. Cơ quan điều tra đã lấy 0,066 gam (ký hiệu Đ) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ hai thu giữ của Đinh Văn Đ có trọng

lượng 0,029 gam. Cơ quan điều tra đã lấy 0,029 gam (ký hiệu Đ2) gửi giám định.

Gói chất bột mầu trắng thứ nhất thu giữ của Vũ Văn T có trọng lượng 0,07 gam, lấy 0,028 gam (ký hiệu T) gửi giám định. Gói vật chứng thứ hai thu giữ của Vũ Văn T gồm có 11 gói nhỏ. Gói chất bột mầu trắng thứ nhất có trọng lượng 0,055 gam, lấy 0,02 gam (ký hiệu T2) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ hai có trọng lượng 0,031 gam, lấy 0,031 gam (ký hiệu T4) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ ba có trọng lượng 0,061 gam, lấy 0,041 gam (ký hiệu T6) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ tư có trọng lượng 0,036 gam, lấy 0,036 gam (ký hiệu T7) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ năm có trọng lượng 0,042 gam, lấy 0,042 gam (ký hiệu T8) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ sáu có trọng lượng 0,063 gam, lấy 0,02 gam (ký hiệu T9) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ bảy có trọng lượng 0,032 gam, lấy 0,032 gam (ký hiệu T11) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ tám có trọng lượng 0,05 gam, lấy 0,02 gam (ký hiệu T12) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ chín có trọng lượng 0,046 gam, lấy 0,046 gam (ký hiệu T14) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ mười có trọng lượng 0,056 gam, lấy 0,02 gam (ký hiệu T15) gửi giám định. Gói chất bột mầu trắng thứ mười một có trọng lượng 0,058 gam, lấy 0,02 gam (ký hiệu T17) gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 540/KLMT ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận (Bút lục số 114):

Mẫu gửi giám định ký hiệu Đ, Đ2, T, T2, T4, T5, T7, T8, T9, T11, T12, T14, T15, T17 là chất ma túy; loại chất Heroin; Tổng trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,451gam.

Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,766 gam, loại chất Heroin.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Cơ quan điều tra và của Phòng kỹ thuật hình sự nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 63/KSĐT-MT ngày 22/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Đinh Văn Đ về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194; Phạm Văn H, Lò Văn N, Nguyễn Anh T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194; Vũ Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14, các điểm t,s, x khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Đinh Văn Đ từ 1 năm 6 tháng tù đến 2 năm, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Vũ Văn T 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lò Văn N từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14, các điểm t, x khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Phạm Văn H từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và 53 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14, điểm t khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Anh T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giam).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đinh Văn Đ, Phạm Văn H, Lò Văn N, Nguyễn Anh T và Vũ Văn T đều nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Các bị cáo đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản thân luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc giải quyết vụ án; bị cáo Đ có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, bị cáo H có bố là thương binh hạng một, ông là liệt sỹ; bị cáo T có thời gian công tác trong quân đội luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích xuất xắc trong công tác.

Kết thúc tranh luận, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Đinh Văn Đ, Phạm Văn H, Lò Văn N, Nguyễn Anh T và Vũ Văn T đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đinh Văn Đ mua ma túy nhằm mục đích để sử dụng, trọng lượng ma túy thu giữ của Đ là 0,166 gam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự thì "Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". Theo tiểu mục 3.1 mục 3 phần II của Thông tư số 17 thì "Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất

giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất dấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này". Như vậy, hành vi mua ma túy về sử dụng của Đinh Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo Vũ Văn T đã có hành vi mua Hê rô in rồi bán lại cho người khác để kiếm lời. Theo tiểu mục 3.3 mục 3 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp(sau đây gọi tắt là Thông tư số 17) thì "Mua bán trái phép chất ma túy" là một trong các hành vi sau đây:

a) Bán trái phép chất ma túy cho người khác;

b) Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

Vũ Văn T đã bán ma túy cho Đ hai lần. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì "Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: "Phạm tội nhiều lần". Như vậy, hành vi mua Hê rô in rồi bán lại cho người khác của Vũ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Trọng lượng Hê rô in Vũ Văn T phải chịu trách nhiệm là 0,766 gam.

Mặc dù biết Vũ Văn T mua ma túy nhằm mục đích để bán lại kiếm lời nH Lò Văn N, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T vẫn tạo điều kiện về vật chất cho T thực hiện hành vi phạm tội. Theo tiểu mục 3.3 mục 3 phần II của Thông tư số 17 thì "Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.3 này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy". Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự thì " Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". Như vậy, hành vi của Lò Văn N, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với vai trò đồng phạm giúp sức.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn Đ, Lò Văn N, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T là nghiêm trọng, Hành vi phạm tội của Vũ Văn T là rất nghiệm trọng; gây nguy hại lớn và rất lớn cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, mua bán trái phép ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nH vì lợi nhuận, và để thỏa mãn cơn nghiện ma túy, các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

Xét tính chất hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy, bị cáo Vũ Văn T là người chủ mưu, khởi xướng. Bị cáo Lò Văn N là người giúp sức tích cực, bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Anh T là đồng phạm giúp sức.

Bị cáo Đinh Văn Đ có nhân thân xấu. Các bị cáo Vũ Văn T, Lò Văn N, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đinh Văn Đ và Lò Văn N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Các bị cáo đều làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo Đinh Văn Đ và Phạm Văn H là con của người có công với cách mạng, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đối với hai bị cáo. Bị cáo Vũ Văn T, Đinh Văn Đ, Phạm Văn H, Nguyễn Anh T đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, cần áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, căn cứ mục 4 hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử cần áp dụng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn H được gia đình và chính quyền địa phương đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Vũ Văn T có thời gian công tác trong quân đội, đạt nhiều thành tích, cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần áp dụng Điều 47 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

Từ việc đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; điểm t, x khoản 1 Điều 51và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 để quyết định mức hình phạt cho phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản…", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tịch thu tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn(Bút lục số 84, 100). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 và 01 xe mô tô BKS 26K9-3293 cho ông Đinh Văn Giàng và anh Lường Văn Niềng là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử

cần chấp nhận. Ông Đinh Văn Giàng và anh Lường Văn Niềng đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 0,336 gam Heroin (đựng trong phong bì đã niêm phong), là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 500.000đ, thu giữ của Vũ Văn T, là tiền do bị cáo phạm tội mà có, Hội đồng xét xử cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, BKS 20H5- 2832, xác định là tài sản của Đinh Văn Óa. Khi bị cáo T mượn xe để mang ma túy bán cho Đ, anh Đinh Văn Óa không được biết. Hội đồng xét xử cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đinh Văn Óa.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, xác định là tài sản hợp pháp của chị Đinh Thị Viễn, khi cho bị cáo N mượn, chị Viễn không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử cần trả lại chiếc điện thoại cho chị Viễn. Riêng chiếc sim điện thoại số thuê bao là 0964437870 lắp trong điện thoại là của Lò Văn N, đã hết thời hạn sử dụng, không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s thu giữ của Vũ Văn T và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, có lắp sim thuê bao số 0984.541.945 thu giữ của Nguyễn Anh T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 26F1- 007.85 của Nguyễn Anh T và chiếc xe BKS 30F8 – 7172 của Lò Văn N. Các bị cáo đã bán cho người khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét.

Đối với Dương Xuân Thực đã bán ma túy cho bị cáo H. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, đối chất nH Thực không thừa nhận đã bán ma túy cho H. Ngoài lời khai của H, không còn chứng cứ khác chứng minh Thực là người bán ma túy cho H. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với Thực.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với các bị cáo đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và các điểm t, x khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt Đinh Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số

100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt Vũ Văn T 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1Điều 46, Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt Lò Văn N 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và các điểm t, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt Phạm Văn H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm h, p khoản 1Điều 46, Điều 47, Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt Nguyễn Anh T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2017 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giam).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan điều tra trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 của ông Đinh Văn Giàng, nơi cư trú: Bản V, xã TPh, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Future, BKS 26K9-3293 của anh Lường Văn Niềng, nơi cư trú: khối 2, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Căn cứ các điểm a,đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,336 gam Heroin (đựng trong phong bì đã niêm phong) và 01 sim điện thoại số thuê bao là 0964437870 thu giữ của Lò Văn N.

Căn cứ điểm a, b khoản 1Điều 41 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Vũ Văn T. Trong đó, tịch thu 300.000đ, truy thu 200.000đ do bị cáo phạm tội mà có.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s thu giữ của Vũ Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, có lắp sim thuê bao số 0984.541.945 thu giữ của Nguyễn Anh T.

Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Đinh Thị Viễn, nơi cư trú: Bản X 1, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO

Trả lại cho ông Lò Văn Óa, nơi cư trú: Bản X 1, xã HH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, BKS 20H5- 2832

(theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 65/BB- GNVC ngày 15/8/2017 giữa cơ quan Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Các bị cáo Đinh Văn Đ, Vũ Văn T, Lò Văn N, Phạm Văn H và Nguyễn Anh T mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên;
- Người bào chữa (nếu có);

(Giao)

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);

(Gửi)

- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt